

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2775/SKHĐT-ĐKKD ngày 17/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 98 thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư (có Danh mục cụ thể kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- HTTT giải quyết TTHC tỉnh (Sở TT&TT);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT ✓

CHỦ TỊCH



Lê Thành Đô

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN DỊCH VỤ
CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH ĐIỆN BIÊN**

(Kèm theo Quyết định số 2332/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

STT	MÃ TTHC	TÊN TTHC	CƠ QUAN THỰC HIỆN
I	LĨNH VỰC CHUYỂN ĐỔI CÔNG TY NHÀ NƯỚC ĐƯỢC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG THEO LUẬT DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC THÀNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG THEO QUY ĐỊNH TẠI LUẬT DOANH NGHIỆP		
1.	2.002665.000.00.00.H18	Chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
2.	2.002666.000.00.00.H18	Chuyển đổi công ty con chưa chuyển đổi thành công ty TNHH MTV	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
3.	2.002667.000.00.00.H18	Đăng ký lại chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty nhà nước và công ty con chưa chuyển đổi	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
II	LĨNH VỰC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA		
4.	2.001999.000.00.00.H18	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
5.	2.002418.000.00.00.H18	Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
6.	2.000024.000.00.00.H18	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
7.	1.000016.000.00.00.H18	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
8.	2.000005.000.00.00.H18	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
9.	2.002004.000.00.00.H18	Thông báo về việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư (cấp tỉnh)	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư

			và Đầu tư
10.	2.002005.000.00.00.H18	Thông báo giải thể và kết quả quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
III LĨNH VỰC ĐẦU THẦU			
11.	1.012507.000.00.00.H18	Cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	Sở Kế hoạch và Đầu tư
12.	1.012508.000.00.00.H18	Cấp lại chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	Sở Kế hoạch và Đầu tư
13.	1.012509.000.00.00.H18	Gia hạn chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	Sở Kế hoạch và Đầu tư
14.	1.012510.000.00.00.H18	Thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	Sở Kế hoạch và Đầu tư
IV LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT DOANH NGHIỆP			
15.	2.001610.000.00.00.H18	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
16.	2.001583.000.00.00.H18	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
17.	2.001199.000.00.00.H18	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
18.	2.002043.000.00.00.H18	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
19.	2.002042.000.00.00.H18	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
20.	2.002041.000.00.00.H18	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
21.	1.005169.000.00.00.H18	Đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
22.	2.002011.000.00.00.H18	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch

			và Đầu tư
23.	2.002010.000.00.00.H18	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
24.	2.002009.000.00.00.H18	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
25.	2.002008.000.00.00.H18	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
26.	1.005114.000.00.00.H18	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
27.	2.002000.000.00.00.H18	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
28.	2.001996.000.00.00.H18	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
29.	2.001993.000.00.00.H18	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
30.	2.002044.000.00.00.H18	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
31.	2.001992.000.00.00.H18	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
32.	2.001954.000.00.00.H18	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
33.	2.002069.000.00.00.H18	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
34.	2.002070.000.00.00.H18	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
35.	2.002031.000.00.00.H18	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội	Phòng Đăng ký kinh

		dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương	doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
36.	2.002075.000.00.00.H18	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
37.	2.002072.000.00.00.H18	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
38.	2.002045.000.00.00.H18	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
39.	1.005176.000.00.00.H18	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư

40.	1.010026.000.00.00.H18	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
41.	2.002085.000.00.00.H18	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
42.	2.002083.000.00.00.H18	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
43.	2.002059.000.00.00.H18	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
44.	2.002060.000.00.00.H18	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
45.	2.002057.000.00.00.H18	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
46.	2.002034.000.00.00.H18	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
47.	2.002032.000.00.00.H18	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
48.	2.002033.000.00.00.H18	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
49.	1.010027.000.00.00.H18	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
50.	2.002018.000.00.00.H18	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
51.	2.002017.000.00.00.H18	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch

		doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	và Đầu tư
52.	2.002015.000.00.00.H18	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
53.	2.002029.000.00.00.H18	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
54.	2.002023.000.00.00.H18	Giải thể doanh nghiệp	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
55.	2.002022.000.00.00.H18	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
56.	2.002020.000.00.00.H18	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
57.	2.000368.000.00.00.H18	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
58.	2.000416.000.00.00.H18	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
59.	2.000375.000.00.00.H18	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
60.	1.010029.000.00.00.H18	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
61.	1.010030.000.00.00.H18	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
62.	1.010031.000.00.00.H18	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh	Phòng Đăng ký kinh

		ng nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
63.	1.010010.000.00.00.H18	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
64.	1.010023.000.00.00.H18	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
V LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM			
65.	1.009664.000.00.00.H18	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư
66.	1.009665.000.00.00.H18	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư
67.	1.009671.000.00.00.H18	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư
VI LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ			
68.	2.002635.000.00.00.H18	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện
69.	2.002636.000.00.00.H18	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện
70.	2.002637.000.00.00.H18	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện
71.	2.002638.000.00.00.H18	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện
72.	2.002639.000.00.00.H18	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện

73.	2.002640.000.00.00.H18	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện
74.	2.002641.000.00.00.H18	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện
75.	2.002642.000.00.00.H18	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện
76.	2.002643.000.00.00.H18	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện
77.	2.002644.000.00.00.H18	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện
78.	2.002645.000.00.00.H18	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện
79.	2.002646.000.00.00.H18	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện
80.	2.002647.000.00.00.H18	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện
81.	2.002649.000.00.00.H18	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện
82.	2.002650.000.00.00.H18	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện
83.	1.005280.000.00.00.H18	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện
84.	2.002123.000.00.00.H18	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện
85.	1.005277.000.00.00.H18	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện
86.	1.004901.000.00.00.H18	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện
87.	1.004979.000.00.00.H18	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã,	Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện

		Liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	
88.	2.001958.000.00.00.H18	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện
89.	1.005378.000.00.00.H18	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;	Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện
90.	1.005377.000.00.00.H18	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện
91.	2.001973.000.00.00.H18	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện
92.	1.004982.000.00.00.H18	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện
93.	1.005010.000.00.00.H18	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện
VII LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH			
94.	1.001612.000.00.00.H18	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện
95.	2.000720.000.00.00.H18	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh	Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện
96.	1.001266.000.00.00.H18	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện
97.	1.001570.000.00.00.H18	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện
98.	2.000575.000.00.00.H18	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện